

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 04/2017/HC-PT

Ngày: 21/9/2017

*“V/v: khiếu kiện quyết định thu hồi
đất và quyết định phê duyệt
phương án bồi thường, hỗ trợ”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Ông Ngô Xuân Ninh.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2017/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2017, về việc “ khởi kiện quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ”. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HCST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2017/QĐPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đặng Công C, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn Cao Đình, xã Tri Phương, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Lê Huy và bà Bạch Tuyết Hoa - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phúc Thọ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Địa chỉ: Số 23, phố Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LXL - Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NNB - Phó Chủ tịch UBND huyện T.
Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Lim, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Tri Phương, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông VQN - Chủ tịch UBND xã Tri Phương.
Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Cao Đình, xã Tri Phương, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Đặng Thị U (tức Tín), sinh năm 1963. Có mặt.

3. Chị Đặng Thị C, sinh năm 1982. Vắng mặt.

4. Anh Đặng Công L, sinh năm 1984. Có mặt.

5. Chị Đặng Thị L, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Đều ở cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn Cao Đình, xã Tri Phương, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Đặng Công C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, hộ gia đình ông Đặng Công C nhận thầu 05 sào ruộng cao sản ở khu Đàm Muồng của Hợp tác xã nông nghiệp thôn Cao Đình, xã Tri Phương. Gia đình ông đã canh tác từ đó đến nay. Ngoài ra, gia đình ông còn nhận khoán ở một số xứ đồng khác và được giao ruộng theo nhân khẩu từ năm 1992 gồm 05 nhân khẩu, mỗi khẩu được chia 01 sào 01 thước. Tổng số đất canh tác của hộ gia đình ông là 1.907m². Trong quá trình canh tác, do chính sách quản lý ruộng đất tại địa phương có sự biến động nên hộ gia đình ông C không canh tác đúng những thửa ruộng đã được giao từ năm 1992. Cụ thể hai thửa ruộng ở Đàm Ré của hộ ông C đã đổi cho bà Nguyễn Thị Lan lấy ở một phần ở Đường Ngang và một phần ở Đàm Muồng (việc này thể hiện tại biên bản làm việc ngày 27/02/2004 do ban đại diện thôn ông Lê Đắc Thiện xác nhận). Nhưng thửa ruộng đổi này nằm ở thửa nào trong 05 sào cao sản ở Đàm Muồng của hộ gia đình ông thì ông C không chỉ rõ được.

Ngày 05/8/2014, Ban quản lý thôn Cao Đình thông báo về việc thu hồi 171,4m² đất trồng lúa của hộ gia đình ông C ở khu Đàm Muồng để làm chân cột điện đường dây tải điện 500/220kv.

Cuối tháng 10/2014, ông C được trưởng thôn thông báo về số tiền gia đình ông được hỗ trợ khi thu hồi đất.

Ngày 27/11/2014, ông C nhận được Quyết định số: 323/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để giao cho công ty truyền tải điện Quốc gia để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220KV Bắc Ninh 2- Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T (gọi tắt là Quyết định 323) và Quyết định số: 322/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và giao đất cho Công ty truyền tải điện Quốc gia để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220KV Bắc Ninh 2 - Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T (gọi tắt là Quyết định 322) cùng ngày 19/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T. Kèm theo Quyết định 322 là bảng thống kê diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông C là 171,4m², thửa đất số 01, khu Đàm Muồng, thôn Cao Đình, xã Tri Phương là đất tạm giao được hỗ trợ 21.000đ/m², bồi thường hoa màu là 9.000đ/m².

Ngày 05/12/2014, ông C khiếu nại Quyết định số 322 đến Chủ tịch UBND huyện T;

Ngày 14/01/2015, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số: 31/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C, giữ nguyên Quyết định số 322 và 323 cùng ngày 19/11/2014 của UBND huyện T.

Ông C tiếp tục có đơn khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 19/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc ninh ban hành Quyết định số: 483/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đặng Công C với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Đặng Công C, thống nhất hướng giải quyết tại Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 19/6/2015, ông Đặng Công C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu hủy Quyết định số 322/QĐ-UBND và Quyết định số 323/QĐ-UBND cùng ngày 19/11/2014 của UBND huyện T.

Bản án sơ thẩm số: 01/2017/HCST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử và quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công C về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 322/QĐ-UBND và Quyết định số: 323/QĐ-UBND cùng ngày 19/11/2014 của UBND huyện T.

Ngày 22/5/2017, ông Đặng Công C nộp đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có đơn kháng cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại thẩm quyền thu hồi đất vì theo quy định của Luật đất đai thì thẩm quyền thu hồi đất là của UBND tỉnh Bắc Ninh, việc UBND huyện T ra quyết

định thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường dây tải điện 500/220KV Bắc Ninh 2- Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T là không đúng. Ngoài ra, không có văn bản nào quy định đất ở Đầm Muồng là đất công ích, không có văn bản giấy tờ nào thể hiện gia đình ông Đặng Công C nhận khoán 05 sào ở Đầm Muồng. Việc dồn điền đổi thửa ở địa phương là có thực dù UBND huyện và xã không thực hiện đến cùng chủ trương này nhưng có việc các hộ dân đã tự thực hiện việc dồn điền đổi thửa với nhau. Diện tích đất 171,4m² bị thu hồi của hộ gia đình ông C ở khu Đầm Muồng chính là phần đất của hộ ông C đổi cho bà Nguyễn Thị Lan và phần đất này của bà Lan đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công C, sửa bản án sơ thẩm.

Người bị kiện trình bày: Năm 2004, UBND huyện T có triển khai chính sách dồn điền đổi thửa đến các xã nhưng xã Tri Phương không thực hiện được mà chỉ dừng ở mức độ lập phương án nên việc ông C đổi ruộng với bà Lan là việc làm của cá nhân với nhau không được chính quyền cho phép. Kiểm tra sổ sách kế toán thì hộ gia đình ông C vẫn hoàn thành nghĩa vụ nộp sản phẩm cho nhà nước đối với diện tích đất giao theo nhân khẩu là 05 sào 05 thước và phần đất nhận khoán của thôn. Bản thân ông C cũng thừa nhận diện tích đất bị thu hồi nằm trong 05 sào cao sản nhận thầu của thôn vào năm 2004. Phần đất ông C nhận thầu là thuộc đất công ích được tạm giao cho các hộ sử dụng, không nằm trong diện tích đất giao theo nhân khẩu. Do là đất tạm giao nên căn cứ vào các quy định của pháp luật, chỉ có thể bồi thường hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất tạm giao là: Bồi thường hoa màu trên đất là 9.000đ/m², hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất tạm giao bị thu hồi là 30% số tiền hỗ trợ đối với đất nông nghiệp giao lâu dài là 70.000 đồng x 30% = 21.000 đồng, 70% còn lại trả vào ngân sách xã. Trên cơ sở tính toán thì hộ gia đình ông C được bồi thường là 5.142.000 đồng và gia đình ông đã nhận số tiền này. Đối với việc ban hành Quyết định 322 và 323 cùng ngày 19/11/20014 của UBND huyện T là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến thời điểm trước khi nghị án là bảo đảm đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Đặng Công C giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Công C là bảo đảm đúng quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính. Do đó, cần chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1] Về tố tụng:

Ngày 19/11/2014, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 322 “Về việc thu hồi đất để giao cho Công ty truyền tải điện quốc gia để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220kV Bắc Ninh 2 - Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T” và Quyết định số 323 “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất “ để giao đất cho dự án trên. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Ngày 27/11/2014, ông Đặng Công C nhận được 02 quyết định trên. Do không đồng ý với nội dung của 02 quyết định, ngày 19/6/2015, ông Đặng Công C có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T. Ngày 26/6/2015, Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý vụ án “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ”. Thời điểm thụ lý vụ án, Luật tố tụng hành chính năm 2010 vẫn có hiệu lực pháp luật. Việc Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010.

Xét tính hợp pháp của Quyết định 322 và Quyết định 323:

[2] Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật đất đai thì UBND cấp tỉnh có thẩm quyền thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất của xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, tại mục 4 Công văn số: 132/CV-UBND ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thực hiện một số nội dung liên quan đến việc chuyển tiếp giữa Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013: Đồng ý cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đối với trường hợp diện tích trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật đất đai)”. Do vậy, việc UBND huyện T ban hành Quyết định 322 và Quyết định 323 là đúng thẩm quyền.

[3] Về hình thức: Quyết định 322 và Quyết định 323 được ban hành là đúng với thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Thông tư liên

tịch số: 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 và Thông tư số: 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản đồng thời thể hiện đúng thẩm quyền ban hành văn bản.

[4] Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 31/5/2013, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 61/TB-UBND về việc nhà nước thu hồi đất, giao đất cho ban quản lý dự án công trình điện miền Bắc để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220kV Bắc Ninh 2 - Phố nổi, địa phận huyện T. Ngày 05/8/2014, Ban quản lý thôn Cao Đình cũng đã tiến hành thông báo về việc thu hồi 171,4m² đất đối với hộ ông C. UBND huyện T cũng đã thông qua phòng ban chuyên môn với chủ dự án và UBND xã Tri Phương tiến hành các thủ tục niêm yết công khai để nhân dân thực hiện việc khiếu nại, đóng góp ý kiến trước khi ban hành Quyết định số 322 và 323. Việc ban hành Quyết định 322 và 323 của UBND huyện T là đúng trình tự, thủ tục thu hồi quy định tại Điều 69 Luật đất đai.

[5] Xét kháng cáo của ông Đặng Công C về việc yêu cầu xác định phần diện tích đất bị thu hồi là 171,4m² bị thu hồi của gia đình ông theo Quyết định số 323 là loại đất nông nghiệp được giao lâu dài.

Quá trình xét xử sơ thẩm đã xác định rõ diện tích đất bị 171,4 m² bị thu hồi của hộ ông C là thuộc phần đất công ích của xã Tri Phương giao cho thôn Cao Đình quản lý. Thôn Cao Đình đã giao khoán thầu cho hộ ông C năm 2004. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông C không đưa ra được căn cứ nào chứng minh diện tích 171,4m² đất đó là thuộc phần đất bù trừ giao theo nhân khẩu, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C. Bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng theo quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Công C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Đặng Công C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HCST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điểm c khoản 2 Điều 62; khoản 3 Điều 66; Điều 67; Điều 69 Luật đất đai; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công C về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 323/QĐ-UBND ngày 19/11/2014, “ Về việc thu hồi đất để giao cho Công ty truyền tải điện Quốc gia để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220KV Bắc Ninh 2 - Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T “ và Quyết định số: 322/QĐ-UBND ngày 19/11/2014, “ Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và giao đất cho Công ty truyền tải điện Quốc gia để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500/220KV Bắc Ninh 2 - Phố Nối, đoạn tuyến qua địa phận huyện T ”.

2. Về án phí:

Ông Đặng Công C phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông C đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai số AA/2012/02060 ngày 23/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Đặng Công C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông đã nộp đủ theo biên lai số AA/2015/0000024 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- UBND huyện T;
- TAND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Văn